TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 8 - 2024
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Mai Phú;

2.Bà Mai Lương Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L *tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 426/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị S, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: tổ Thái An, đường N, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S: Ông Lê Cao Tánh -Văn phòng luật sư Bá Tánh - thuộc đoàn luật sư tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm:1968.

Địa chỉ: tổ Thái An, đường N, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Đào Thị S thì: Bà và ông Trần Văn S chung sống cùng nhau từ năm 1995, nhưng đến năm 2019 mới đăng ký thủ tục kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch S, huyện T, tỉnh H; hôn nhân trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Thời gian trước đây vợ chồng bà sống chung tại T, đến năm 2012 thì chuyển vào Đ để sinh sống. Cuộc sống chung của vợ chồng bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S ham chơi bài bạc, thường xuyên uống rượu không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn với nhau, có lần ông S đã đánh bà. Vào năm 2022 bà đã gửi đơn đến Tòa án để ly hôn, do ông S không đồng ý ly hôn nên bà đã rút đơn để hàn gắn tình cảm, nhưng từ đó đến nay ông S vẫn không thay đổi cách sống của mình, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, năm 2022 bà đã chuyển ra nhà trọ sống. Hiện nay vợ chồng bà đã sống ly thân, bà xác định không còn tình cảm với ông S, nguyện vọng của bà xin được sớm ly hôn để giải phóng cho bản thân, vì bà lo sợ nếu cứ sống trong tình trạng này có lúc bà không giữ được tính mạng của bản thân.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là Trần Thị P, ngày 24/8/1996; Trần Tuấn N, sinh ngày 25/5/1998 và Trần Tuấn H, sinh ngày 15/6/2006. Hiện các con đã trưởng thành, phát triển bình thường và tự làm nuôi sống bản thân, nên bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng do ông S vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa: Ông Lê Cao Tánh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S trình bày yêu cầu khởi kiện của bà S. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà S được ly hôn ông S. Về con chung đã trưởng thành không có yêu cầu gì, về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn bà S xác định hiện vợ chồng bà đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông S. Về con chung hiện các con bà đã trưởng thành, phát triển bình thường, nên bà không có yêu cầu gì về con chung. Về tài sản chung vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên toà, đương sự vắng mặt đã được tống đạt thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị S, cho bà S được ly hôn ông S; về con chung đã trưởng thành nên không xem xét; về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Đào Thị S và ông Trần Văn S chung sống cùng nhau từ năm 1995, đến năm 2019 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông S, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn ông S hiện cư trú tại Phường 12, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn S đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt, nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông S kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch S, huyện T, tỉnh H. Theo trình bày của bà S thì quá trình vợ chồng bà chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông S ham chơi bài bạc, ham ăn nhậu và còn đánh đập bà, không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, vào năm 2022 bà S cũng từng gửi đơn xin ly hôn, sau đó bà đã rút đơn để cho ông S cơ hội thay đổi nhưng ông S vẫn chứng nào tật đó. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S đến để hòa giải nhưng ông S không đến, cũng chứng tỏ ông S không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm; còn

bà S xác định hiện không còn tình cảm gì với ông S, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau và bà cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông S đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S, xử cho bà S và ông S được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Bà S xác định vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị P, ngày 24/8/1996; Trần Tuấn N, sinh ngày 25/5/1998 và Trần Tuấn H, sinh ngày 15/6/2006. Hiện các con đã trưởng thành, phát triển bình thường, bà không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà S xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà S xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Đào Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn*" của nguyên đơn bà Đào Thị S đối với bị đơn ông Trần Văn S.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đào Thị S và ông Trần Văn S được ly hôn.

2/Về án phí: Bà Đào Thị S phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000860 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, bà S đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (23/8/2024). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND xã Thạch S, huyện T, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan